

Bản án số: 54/2024/HS-ST
Ngày: 13-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bình

Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Tuyết

Bà Lê Nguyễn Thị Ngọc Lan

Bà Lương Thị Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Đường - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 13 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2024/HSST ngày 01 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Đình A, sinh năm: 1974; tại: Thành phố Hà Nội; giới tính: Nam; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: thôn A, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Tài xế; học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; cha tên Nguyễn Phạm T, sinh năm: 1950; mẹ tên Kiều Thị T1, sinh năm: 1953; vợ tên Nguyễn Thị N, sinh năm: 1980 (đã ly hôn); bị cáo có 02 người con, sinh năm 1999 và năm 2011; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2023 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa

- Bị hại: ông Hoàng Duy T2, sinh năm 1973; địa chỉ: khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước (vắng mặt); người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Đặng Thái S, địa chỉ: Ấp T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Thị N1 - Đoàn Luật sư tỉnh B. (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Đình K, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Bình

Phước (có mặt)

2. Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

3. Phạm Thị N2, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn A, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước (có mặt)

4. Chu Thị L, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt)

- *Người làm chứng*: Huỳnh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1997; địa chỉ: thôn P, xã P, thị xã P, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Đình K sở hữu xe ô tô tải biển số 93H – 002.75 dùng để chở thuê hàng hóa. Từ khoảng cuối năm 2021, ông K có hợp đồng nhận vận chuyển hạt điều cho ông Hoàng Duy T2 là giám đốc Công ty TNHH Q (Công ty Q), địa chỉ: khu phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Bình Phước, quãng đường vận chuyển là từ sân phơi của Công ty V (cũng do ông T2 làm chủ) tại ấp C, xã H, huyện B, tỉnh Bình Phước đến trụ sở Công ty Q tại thị xã P, chi phí vận chuyển là 150.000đ/tấn. Trong khoảng thời gian này, ông K đã nhiều lần sử dụng xe ô tô tải biển số 93H – 002.75 để vận chuyển hạt điều cho ông T2.

Đến tháng 11/2022, do bận chăm sóc mẹ bị bệnh nên ông K đã thuê Phạm Đình A làm tài xế lái xe ô tô tải biển số 93H – 002.75 chở hàng cho Công ty Q thay cho ông K. Khi Công ty Q cần chở hàng thì sẽ thỏa thuận với ông K về số lượng chuyển xe, quãng đường vận chuyển, giá cả rồi ông K sẽ gọi cho A điều khiển xe ô tô của mình đến nhận hàng và vận chuyển hàng theo yêu cầu của ông K và ông K trả lương cho A số tiền là 700.000đ/01chuyến. Khoảng 17 giờ ngày 27/3/2023 theo yêu cầu của ông K, A điều khiển xe ô tô tải của ông K đến sân phơi Công ty V nhận 34.530kg hạt điều khô xếp lên xe ô tô chở về Công ty Q, trên đường chở số hạt điều trên, A nảy sinh ý định chiếm đoạt số hạt điều này bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. A dùng điện thoại số 0981532759 gọi cho ông H Nguyễn Văn Đ để bán số hạt điều này cho Đ nhưng do không đủ tiền nên ông Đ không mua, ông Đ giới thiệu bà Nguyễn Thị Kim T3 mua số hạt điều này của A thì bà T3 đồng ý. Sau đó, A điều khiển xe ô tô chở số hạt điều này đi đến nhà bà T3 tại thôn Đ, xã P, huyện P để bán cho bà T3. Sau khi xem hạt điều, bà T3 thỏa thuận mua số hạt điều này của A với giá 29.500 đồng/kg với tổng số tiền là 1.014.000.000đ thì A đồng ý. Bà T3 dùng số tài khoản 050041695721 Ngân hàng N3 (A2) của T3 chuyển số tiền 1.000.000.000đ vào tài khoản số 5609205060399 của A và đưa tiền mặt cho A số tiền 14.000.000đ. Sau đó, số hạt điều này được bốc xuống sân nhà bà T3. Đến khoảng 01 giờ 45 phút ngày 28/3/2023, sau khi bốc xếp

hàng xong A điều khiển xe ô tô của ông K đến bãi đất trống gần UBND xã L, huyện P đậu xe ở đây rồi gọi điện cho ông K thông báo đã vận chuyển hạt điều đến Công ty Q và xin phép nghỉ 01 ngày thì ông K đồng ý. Sau khi có được tiền, A đã chuyển khoản cho bà Phạm Thị N2 (em gái của A) số tiền 47.000.000đ và bà Chu Thị L (có quan hệ yêu đương với A) 55.000.000 đồng A nợ trước đó. Sau đó, A đi sang Campuchia chơi đánh bạc bị thua và tiêu xài hết số tiền còn lại. Điện thoại di động của A dùng liên lạc với anh Đ, chị Trang A1 đã vứt bỏ ở Campuchia nên không thu hồi được. Sau khi mua được số điều khô của A1 khoảng một tháng sau bà T3 bán cho một số người khác chưa rõ địa chỉ với giá 32.000 đồng/1kg [Bút lục số: 133 – 135, 140 – 153, 162 – 163, 169 – 179].

Đến ngày 05/4/2023, qua kiểm tra sổ sách, ông T2 phát hiện số lượng 34.530 kg hạt điều khô do A1 vận chuyển bị mất nên thông báo cho ông K biết. Ông K liên lạc với A1 nhưng không được nên đã làm đơn tố giác hành vi của A1 đến cơ quan Công an.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐGTS ngày 25/8/2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện P kết luận: 34.530 kg hạt điều khô tại thời điểm ngày 27/3/2023 có giá trị là 1.208.550.000 đồng. [Bút lục số 46 – 51]

Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị Kim T3 cung cấp 02 đoạn video ghi lại diễn biến việc bốc số hạt điều mà bà T3 đã mua của A1 từ xe tải xuống kho nhà bà T3 vào ngày 27/3/2023. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định đối với 02 tập tin video trên.

Tại bản kết luận giám định số 435/KL-KTHS ngày 03/6/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận:

- Không tìm thấy dấu vết cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung trong 02 tập tin video gửi giám định;

- Trích xuất được 164 khung hình trong tập tin gửi đi giám định. [Bút lục số 117 – 118, 121 – 124]

Việc thu giữ đồ vật, tài liệu:

Ông Hoàng Duy T4 giao nộp 01 phiếu cân xe 93H-002.75 ngày 27/3/2023 (Bút lục 44).

Bà Nguyễn Thị Kim T3 cung cấp 02 đoạn video ghi lại diễn biến sự việc thu mua hạt điều khô của A1 (bút lục 118).

Cáo trạng số 53/CTr-VKS-P2 ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Phạm Đình A về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phạm Đình A từ 13 năm đến 14 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 09/10/2023.

Các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Đình A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố. Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo với mức án nhẹ nhất. Đối với số tài sản là hạt điều chiếm đoạt thì bị cáo xin khi nào chấp hành hình phạt xong bị cáo sẽ bồi thường. Hiện nay bị cáo không có tài sản gì.

Bị hại yêu cầu ông K là người được thuê vận chuyển phải có trách nhiệm trả cho phía bị hại số tiền giá trị hạt điều theo định giá, còn về hình phạt thì yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo đồng ý tội danh và các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đưa ra. Đề nghị HĐXX xem xét lại tư cách của các đương sự và thống nhất với mức hình phạt do Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Đình A tại phiên tòa cơ bản là phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, các bản kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 27/3/2023 Phạm Đình A là người được ông Nguyễn Đình K thuê lái xe ô tô tải biển số 93H – 002.75 chở 34.530 kg hạt điều khô mà ông K nhận chở thuê cho ông Hoàng Duy T2 là giám đốc Công ty V tại huyện B đến Công ty Q tại thị xã P, tỉnh Bình Phước. Sau khi nhận được số hạt điều khô trên, A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số hạt điều này nên tự ý bán cho bà Nguyễn Thị Kim T3 với số tiền là 1.014.000.000đ dùng để trả nợ, đi đánh bạc tại Campuchia bị thua và tiêu

xài cá nhân hết. Trị giá tài sản A chiếm đoạt là 1.208.550.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, quá trình thực hiện tội phạm, bị cáo hoàn toàn làm chủ năng lực hành vi của mình và biết rõ việc lợi dụng lòng tin của người khác để chiếm đoạt tài sản là hành vi phạm tội. Nhưng vì động cơ cá nhân muốn có tiền tiêu sài và phục vụ cho việc đánh bạc mà bị cáo đã đi vào con đường phạm tội. Vì vậy cần phải có một mức án thật nghiêm theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, hoang mang lo lắng bất bình trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến uy tín của các đơn vị, tổ chức liên quan, gây mất lòng tin giữa con người với nhau. Do vậy, đối với bị cáo cần phải có một mức án tù có thời hạn nghiêm khắc tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra để bị cáo có đủ thời gian cải tạo trong môi trường quản lý của nhà nước là cần thiết. Sau này trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội và cũng là bài học chung cho mọi người.

[4] Về tình tiết tăng nặng đối với bị cáo: không có

[5] Tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên toà, ông Nguyễn Đình K công nhận có thoả thuận với ông Hoàng Duy T2 việc vận chuyển hàng hoá cho ông T2 và ông T2 có trách nhiệm trả tiền cước vận chuyển cho ông K. Do đó căn cứ vào các điều 534, 540, 541 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ông K phải có trách nhiệm bồi thường cho ông T2 và bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông K (hơn nữa trước đây vào ngày 05 tháng 4 năm 2023, ông K cũng có cam kết trả cho ông T2 số tài sản bị bị cáo chiếm đoạt)

Buộc bị cáo A phải bồi thường cho ông K số tiền 1.208.550.000 đồng. Buộc ông K phải bồi thường cho ông T2 số tiền 1.208.550.000 đồng

[7] Đối với Nguyễn Thị Kim T3 là người mua hạt điều của A, quá trình điều tra xác định khi mua hạt điều của A thì T3 không biết nguồn gốc hạt điều là do A phạm tội mà có. Do đó, hành vi của T3 không cấu thành tội phạm nên không đề cập xử lý.

[8] Đối với Huỳnh Nguyễn Văn Đ là người giới thiệu bà T3 để mua hạt điều của A, quá trình điều tra xác định Đ không biết số hạt điều này là do A phạm tội mà có. Do đó hành vi của Đ không cấu thành tội phạm nên không đề cập xử lý.

[9] Đối với Phạm Thị N2 và Chu Thị L, quá trình điều tra xác định sau khi có được tiền từ việc bán hạt điều, A chuyển tiền cho N2 và L để trả tiền A đã nợ trước đó, N2 và L không biết số tiền này là tiền có được từ việc phạm tội của A. Do đó, hành vi của N2 và L không cấu thành tội phạm nên không đề cập xử lý.

[10] Đối với việc Phạm Đình A khai dùng số tiền từ việc bán hạt điều để tham gia đánh bạc tại Campuchia, do địa điểm đánh bạc nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, mặt khác cũng không xác định được nhân thân, lai lịch của người tham gia đánh bạc, số tiền tham gia đánh bạc nên không đủ căn cứ để xử lý.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bình Phước là có căn cứ nên được chấp nhận.

[12] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo có căn cứ một phần được chấp nhận một phần

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Phạm Đình A phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

2. *Về áp dụng điều luật và hình phạt:*

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phạm Đình A 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 09/10/2023.

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng các Điều 46 và Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 534; Điều 540; Điều 541 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông K số tiền 1.208.550.000 đồng. Buộc ông K phải bồi thường cho ông T2 số tiền 1.208.550.000 đồng

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của

Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. *Án phí*: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Đình A phải chịu 200.000 đồng

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Đình A phải chịu 48.256.500 đồng; ông Nguyễn Đình K phải chịu 48.256.500 đồng.

7. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước;
- CQCSĐT - Công an tỉnh Bình Phước;
- PV 06 Công an tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Cục Thi hành án DS tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Người bào chữa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Phước;
- THCTP; Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Bình